

Bản án số: 146/2023/DSPT

Ngày: 07/7/2023

V/v: “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các thẩm phán: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trí**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Út**

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phùng Đức Nam-**
Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 108/2023/TLPT-DS ngày 15/3/2023 về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐ-PT ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 345/2023/QĐ-PT ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Phương M**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Dương Văn Đ1**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M có mặt, ông Đ, ông Đ1, bà H, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có tại hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương Mtrình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T(chồng bà) đang quản lý, sử dụng các thửa đất số 387, 388 tờ bản đồ số 07 xã S, được UBND huyện L(cũ) (nay là huyện C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/4/1997 (nay là thửa đất số 22 tờ bản đồ số 3) tọa lạc tại tổ D, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Trên các thửa đất này, vợ chồng bà trồng các loại cây ăn trái và cây công nghiệp. Giáp ranh với thửa đất của vợ chồng bà là rẫy mía của ông L, rẫy của ông Lgiáp rông với rẫy của ông L1(đã chết do tai nạn). Ông L1 là con của ông Nguyễn Xuân P, đất rẫy này ông L1 cho ông Nguyễn Văn Đhợp đồng thuê lại để trồng mì. Phần đất của bà có chiều dài trên 250m tính từ đường nhựa ấp E, xã S, còn thửa đất do ông Đ thuê cách đất của vợ chồng bà khoảng 60-70m.

Sáng ngày 01/4/2013, bà ở nhà và nhìn thấy ông Đ cùng với vợ chồng ông Đ1 và bà H dọn rẫy ở đám rẫy thuê lại của ông L1. Đến trưa thì về, đến đầu giờ chiều bà thấy ông Đ, ông Đ1 và bà H quay lại dọn rẫy. Vào lúc khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, bà thấy khói bốc lên từ rẫy của ông L1 nên bà chạy qua xem thì thấy ông Đ đang đốt rác dọn rẫy và đứng cạnh nên bà đi về nhà. Khi đốt cỏ do không khống chế được ngọn lửa nên khoảng một lát sau thì lửa cháy lan sang rẫy mía của nhà ông L và cháy lan sang đất rẫy của vợ chồng bà nên ông Thô hoán kêu dập lửa, hai vợ chồng bà kéo ống xịt nước dập lửa.

Sau khi rẫy bị cháy, bà đã gọi điện báo Công an xã S, đến 14 giờ 30 phút Công an xã vào dập lửa, lập biên bản ghi nhận hiện trường và tài sản bị thiệt hại, lúc này lửa đã cơ bản được khống chế. Tại thời điểm này, cơ quan công an và vợ chồng bà không ai quay phim hay chụp ảnh để làm chứng cứ. Khi vợ chồng ông Đ1, bà H và ông Đ dọn cỏ thì bà thấy ông Đ là người dọn phần cuối đất thuê, vợ chồng ông Đ1 dọn phần đầu rẫy đất thuê, cách xa chỗ phát lửa.

Vụ cháy đã gây thiệt hại các cây trồng trên đất cho gia đình bà gồm: 35 cây cao su 02 năm tuổi; 10 nọc tiêu 07 năm tuổi; 10 cây điều 06 năm tuổi; 100 cây cà phê 04 năm tuổi; 01 cây mít 03 năm tuổi; 01 cây xoài cát hòa lộc 03 năm tuổi; 50 cây cà phê 04 năm tuổi bị lửa cháy tấp nhưng đã phục hồi phát triển bình thường.

Tổng giá trị thiệt hại theo chứng thư thẩm định giá số 2385/TĐG – CT ngày 14/9/2018 của Công ty cổ phần T1 là 41.005.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào chứng thư này làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo đơn khởi kiện ban đầu thì bà khởi kiện ông Dương Văn Đ1 cùng ông Đ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà, tuy nhiên nay bà xác định việc gây ra thiệt hại tài sản cho gia đình bà không liên quan đến ông Đ1 nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ1.

Theo bà thì việc ông Đ cho rằng không thuê đất của ông L1, không dọn rẫy, đốt cỏ mà vào ngày 01/4/2013 ông Đ đi cưa cây cùng ông Cở L là không đúng sự thật, nhằm trốn tránh trách nhiệm. Bởi vì lời khai của ông Đ tại Công an xã S, Cơ quan điều tra và tại Tòa án đều không thống nhất, mâu thuẫn với nhau về thời gian cho thuê đất. Khi vụ cháy xảy ra, vợ chồng ông H1 cũng trực tiếp nhìn thấy ông Đ dọn đốt cỏ tại đất rẫy đang thuê.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà khai rằng bà tận mắt thấy ông Đ là người dọn và đốt cỏ làm ngọn lửa cháy lan sang rẫy của vợ chồng bà gây thiệt hại các cây trồng trên đất cho gia đình nên yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông Đ có trách nhiệm bồi thường

thiệt hại cho vợ chồng bà với số tiền 41.005.000 đồng.

Về chi phí tố tụng bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 20/3/2013, ông có thuê đất của ông Nguyễn Văn L2 (đã chết) khoảng 1,5 ha để trồng mì, giá thuê là 13.000.000 đồng/năm, chỉ hợp đồng miệng với nhau. Do đất thuê không tốt nên khoảng 10 ngày sau ông cho ông Nguyễn Văn H2 và ông Dương Văn Đ1 (không rõ địa chỉ cụ thể) thuê lại nhưng hai người này nói đất cỏ nhiều nên không đồng ý thuê. Khoảng 15 ngày sau, ông cho ông V (thường gọi là B) thuê lại và ông V đồng ý thuê. Khi cho ông V thuê lại, hai bên có xuống xem xét thì đất chưa trồng gì, sau đó ông V mới trồng bắp.

Ông đi làm củi với ông C tại địa bàn huyện L từ ngày 10/3/2013 đến ngày 10/4/2013 (trước ngày xảy ra vụ cháy) nên không có dọn rẫy và đốt cỏ. Thời gian này ông đã cho ông V thuê lại diện tích rẫy đã thuê của ông L2. Sáng ngày 08/3/2013 tại quán cà phê ở ấp E - xã S, ông V đã mua lại hợp đồng và 11 giờ cùng ngày, ông V đã đến nhà đưa tiền cho ông.

Tại phiên tòa ngày 12/3/2019, ông xác định sau khi đám cháy xảy ra ông mới cho ông Nguyễn Văn H2 thuê lại đất và không có mâu thuẫn gì với vợ chồng ông H1, bà N. Đối với lời khai của ông H1, bà N cho rằng nhìn thấy ông đốt rẫy thì ông không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2019 ông Đ khai, sau khi thuê lại đất của ông L2 (thuê lại sau khi tết, không nhớ rõ ngày, tháng) nhưng ông không công tác trên đất mà rủ ông Đ1 và cho ông Đ1 thuê, thời gian ông Đ1 thuê thì ông không đến đất rẫy này và ông xác định cũng cho ông V thuê đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện này: vì trước khi rẫy nhà bà M bị cháy ông không còn thuê đất của ông L2 mà ông cho ông V thuê lại hợp đồng bằng miệng với giá là 13.000.000đ và ngày 01/4/2013 ông đi làm thuê cho ông C ở địa bàn huyện L (đi trước ngày cháy) nên không có dọn rẫy và phát cỏ như bà M và vợ chồng ông H1 trình bày nên không thể gây ra vụ cháy và ông cũng không biết ai gây ra vụ cháy.

Theo hồ sơ thể hiện lời khai của ông Dương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H như sau:

Tại Công an xã S, ông Đ1, bà H khai: Sáng 01/4/2013 ông bà có vào rẫy thuê lại của ông V, hợp đồng thuê bằng miệng, ông bà dọn rẫy đến 11 giờ cùng ngày thì về nhà, khi vào rẫy chỉ có hai vợ chồng ông bà, khi về nhà thì không quay lại đất nữa, thời gian vợ chồng ở nhà không ai nhìn thấy. Sự việc lửa cháy lan từ đám rẫy vợ chồng ông dọn sang vườn rẫy nhà bà M vợ chồng ông không biết. Việc ông H1, bà N thấy vợ chồng ông bà từ khoảng 13 giờ đến 15 giờ đang dọn rẫy, ông bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2019 ông Đ1 khai: Ông Đ cho ông V thuê đất, ông V không thuê đất nữa trả lại cho ông Đ. Sau đó, ông Đ có nói ông V không thuê đất nữa, kêu ông thuê lại đất. Nhưng vì thời gian đã lâu nên ông nhớ không nhớ chính xác công thuê đất của ông Đ hay ông V. Đồng thời xác định ngày cháy rẫy vợ chồng ông có mặt lúc sáng và không thuê người khác dọn cỏ.

Từ khi Tòa án sơ thẩm thụ lý lại vụ án đến nay, ông Đ1 và bà H không ra Tòa án làm việc và không nộp thêm văn bản gì.

Theo hồ sơ thể hiện người làm chứng ông Cao Phương H3 trình bày:

Vào ngày 01/4/2013 xảy ra vụ cháy rẫy của bà M, buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ trưa, ông đang làm làm ngoài rẫy sát rông, ông thấy vợ chồng ông Đ1 vào rẫy của ông L2 phát cỏ đầu đám đất, còn ông Đai cỏ cuối đám đất rông sát rẫy, hồ ông N1. Đến đầu giờ chiều khoảng 13 giờ cùng ngày, ông ra rẫy đào lỗ cà phê cũng thấy vợ chồng ông Đ1 vào làm như buổi sáng. Ông Đ cũng dọn cỏ để đốt rác phần cuối rẫy sát hồ ông N1, ông thấy ông Đ bật lửa đốt cỏ, lúc đầu chưa có gió sau đó gió thổi mạnh ngọn lửa đã cháy qua đám mía và cháy lan qua rẫy nhà bà M, khi lửa cháy lớn ông thấy vợ chồng ông Đ1 và ông Đ có qua dập lửa, càng ngày gió càng mạnh, dập lửa không thành nên ba người này rời bỏ hiện trường. Khi công an lấy lời khai ông khai người thông niên đó cúi xuống bật lửa đốt ông không thấy mặt, khi người thông niên đó đứng lên dập lửa thì ông thấy mặt, ông khẳng định ông Đ là người đốt.

Tại các biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ năm 2015 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/3/2019 ông và ông Đ đối chất tại phiên tòa ông đã khẳng định ông Đ là người đốt lửa làm cháy rẫy nhà bà M.

Theo hồ sơ thể hiện người làm chứng bà Lương Thị N2 trình bày:

Nhà bà cách rẫy nhà bà Mai mkhu rẫy trồng. Ngày 01/4/2013 bà và chồng bà là ông H3 ở nhà buổi sáng thì thấy vợ chồng ông Đ1 cùng với ông Đ vào khu rẫy giữa nhà bà và nhà M để dọn cỏ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, chồng bà là ông H3 thấy ông Đ đốt cỏ dọn rẫy nên lửa cháy lan sang các đám rẫy liền kề xung quanh, có cháy sang rẫy nhà bà một ít, cháy qua đám rẫy mía bỏ hoang và lan qua rẫy nhà bà M, vợ chồng bà có kéo vòi nước để dập lửa nhưng chỉ dập được phần phía rẫy nhà bà, còn phía đám rẫy mía và rẫy nhà bà M do ở cuối chiều gió nên lửa cháy rất to không thể dập tắt. Ông Đ và mấy người kia bỏ đi mặc kệ cho lửa cháy vì không dập nổi. Đến sáng hôm sau thì bà có thấy ông H2 tiếp tục vào dọn rẫy. Ngoài ra bà không chứng kiến gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2019/DSST ngày 25/4/2019, TAND huyện Cẩm Mỹ đã tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương M, buộc ông Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bà M, ông Tsố tiền 41.005.000đ.

Tại Bản án phúc thẩm số 182/2019/DSPT ngày 25/11/2019, TAND tỉnh Đồng Nai tuyên xử: Hủy một phần bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/4/2019, TAND huyện Cẩm Mỹ với lý do cấp sơ thẩm đã bỏ sót tư cách tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã tuyên xử: Không nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương M về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà với số tiền 41.005.000đ (bốn mươi một triệu không trăm linh năm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/12/2022, nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm

số 51/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà M đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm (lần 2), Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung, làm rõ các thiếu sót được nêu ở tòa phúc thẩm. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn được giữ nguyên như trước.

Quá trình thụ lý, giải quyết lại ở cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, bà M không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới. Bà M khẳng định rằng tận mắt chứng kiến chính anh Đ là người dọn cỏ và đốt cỏ làm lửa cháy lan sang rẫy của vợ chồng bà nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ngoài lời khai của bà và một số người làm chứng (ông H3, bà N2) nhưng không được bị đơn ông Đ thừa nhận.

Việc bà M cung cấp 01 USB có 05 file ghi lại cuộc nói chuyện của bà M với anh H2, anh V và bà N2 nội dung bà M hỏi những đương sự này những sự việc liên quan đến vụ cháy, kèm theo file ghi âm là Đơn nộp chứng cứ của bà M. Tại phiên tòa hôm nay, bà M thừa nhận USB này được bà M thực hiện năm 2020 chứ không phải tại thời điểm xảy ra vụ cháy năm 2013. Vì vậy, 05 file trong USB này không có giá trị chứng minh anh Đ chính là người đốt lửa gây ra vụ cháy.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Phương M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của TAND huyện Cẩm Mỹ về đường lối.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà M được làm trong thời hạn kháng cáo, đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự trong vụ án:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về đường lối giải quyết vụ án và nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Quá trình thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm (lần 2), Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung, làm rõ các thiếu sót được nêu tại Bản án phúc thẩm số 182/2019/DSPT ngày 25/11/2019 của TAND tỉnh Đồng Nai.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn được bà M giữ nguyên như trước, bà xác định ông Nguyễn Văn Đ là người có hành vi đốt cỏ làm lửa cháy lan sang rẫy của vợ chồng bà gây thiệt hại nên yêu cầu ông Đ phải bồi thường cho vợ chồng bà số tiền 41.005.000đ.

Quá trình thụ lý, giải quyết lại ở cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm hôm nay, bà M không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới. Bà M khẳng định bà tận mắt chứng kiến ông Đ là người dọn cỏ và đốt cỏ làm lửa cháy lan sang rẫy của vợ chồng bà. Khi đó, bà đã gọi điện báo Công an ấp và Công an ấp gọi Công an xã S đến hiện trường. Lúc ngọn lửa cháy lớn thì cả vợ chồng ông Đ1, chị H và ông Đ cùng dập lửa, nhưng khi bà gọi Công an ấp vào thì cả ba người này bỏ về không còn ai ở lại rẫy.

Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 30/8/2013 tại Công an xã S (BL 207) bà M khai “...việc rẫy tôi bị cháy tôi không phát hiện ra ai làm”, ngoài ra theo biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2013 tại Công an huyện C (BL 209) bà M khai “...lúc đầu không biết ai làm việc đó, nhưng sáng hôm sau khi gặp bà N2 (vợ ông H3) mới biết hôm qua chính ông H3, bà N2 đã chứng kiến và tận mắt thấy vợ chồng (chú Đ1, chị H) cùng ấp E, đang dọn rẫy. Sau đó làm lửa cháy lan sang rẫy mía bỏ hoang rồi cháy lan sang rẫy nhà chị M”. Như vậy, ngay từ sau khi xảy ra sự việc cháy rẫy, qua các lời khai ban đầu tại Công an xã S và Công an huyện C, bà M đã khẳng định không nhìn thấy người trực tiếp đốt gây ra vụ cháy mà chỉ nghe nói lại qua người làm chứng là ông Cao Phương H3 và bà Lương Thị N2 xác định vợ chồng ông Dương Văn Đ1, bà Nguyễn Thị H dọn rẫy làm lửa cháy qua rẫy của ông bà. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/4/2019 (BL 289), bà M lại xác định người có hành vi đốt rẫy gây cháy lan sang vườn của bà là ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2019 (BL 369-372), lúc bà M khai nhìn thấy ông Đ và vợ chồng ông Đ1 đốt rẫy, lúc thì khai không nhìn thấy trực tiếp việc ông Đ, ông Đ1 đốt cháy rẫy và xác định có làm đơn trình bày ông Đ, ông Đ1 đốt rẫy, nhưng công an nói không viết như vậy, ai là người đốt thì để công an điều tra.

Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 15/12/2022 - xét xử sơ thẩm lần 2 (BL 611-612), lúc bà M khai trực tiếp thấy ông Đ là người bật lửa đốt cỏ, lúc thì khai khi bà đang ở bên nhà thì thấy có khói bay lên ở phía cuối đám rẫy của ông Đ thì thấy ông Đ đang đứng chỗ đám cháy.

Bà M cho rằng cơ quan Công an đã làm sai, ghi lại không đúng lời khai của bà cũng như những người được công an mời lên làm việc năm 2013 có liên quan đến vụ cháy rẫy, vào do thiếu hiểu biết, sức khỏe không tốt nên bà ký tên dưới biên bản nhưng bà không có chứng cứ chứng minh việc công an xã S và công an huyện C đã ghi lại không đúng lời khai của bà. Tại thời điểm lập biên bản, bà M là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bà phải tự chịu trách nhiệm về việc đã ký xác nhận vào lời khai này của mình.

Về phía ông Đ, từ trước đến nay, ông đều xác định tại thời điểm xảy ra vụ cháy, ông không có mặt tại hiện trường, ông lúc đó đang phụ anh C ở xã B, huyện L. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn C1 theo địa chỉ như bị đơn cung cấp, đồng thời ủy thác thu thập chứng cứ lấy lời khai ông C1, nhưng ông C1 không đến Tòa án làm việc và theo kết quả ủy thác do Tòa án huyện Long Thành thực hiện thì “*tại tổ G, ấp B, xã B, huyện L không có công dân nào tên Nguyễn Văn C1, sinh năm 1983 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ này, ngoài ra ấp B không có tổ 7...*”.

Đối với những người làm chứng ông Cao Phương H3, bà Lương Thị N2 xác định thấy ông Đ ở hiện trường và người đốt là ông Đ. Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2013 tại Công an huyện C (BL 191), ông H3 khai: “*Từ lúc 07 giờ 30 phút đến 11 giờ trưa, tôi đang làm ngoài rẫy sát bờ ranh, tôi có thấy vợ chồng (chú Đ1, cô H) vì hai vợ chồng tôi biết mặt, còn ở phía cuối rẫy có 01 thanh niên tôi không xác định rõ... từ phía xa cuối rẫy người thanh niên tôi không nhìn thấy rõ mặt, anh ta cào cỏ khô lại, sau đó tôi thấy anh ta bật lửa đốt lúc ấy khoảng 14 giờ ...*”. Còn theo biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2015 tại TAND huyện Cẩm Mỹ (BL 26-27) thì khai “*vào khoảng tháng 3,4/2013 thì Đ1 và Đ có thuê đất để trồng ngô, trước đó một ngày thì họ có vào phát hàng ranh để đốt rẫy trồng bắp, ngày hôm sau họ mới đốt rẫy, do lúc đầu chưa có gió nổi lên thì tàn tro bay sang rẫy mía đã thu hoạch làm lửa cháy qua rẫy bà M... lúc đó Đ1 và Đ có kêu dập lửa...*”.

Lời khai của người làm chứng bà N2 tại biên bản ghi lời khai vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 30/8/2013 tại Công an xã S (BL 192) bà xác định “*tôi có chứng kiến việc anh Đ, anh Đ1 cùng dọn rẫy sau đó làm lửa cháy lan sang rẫy của chị M*”; Còn tại biên bản lấy lời khai lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/11/2020 tại Tòa án (BL 479) bà N2 khai “*...hôm đó, tôi và chồng tôi là ông H3 ở nhà buổi sáng thì thấy vợ chồng anh Dương Công Đ2 cùng với anh Nguyễn Văn Đ vào khu rẫy giữa nhà tôi và nhà M để dọn cỏ, đến khoảng 13h30 thì chồng tôi là ông H3 thấy anh Đ đốt cỏ dọn rẫy nên lửa cháy lan sang các đám rẫy liền kề xung quanh, có cháy sang rẫy nhà bà một ít, có cháy qua đám rẫy mía bỏ hoang và lan qua rẫy nhà bà M...*”

Lời khai của anh Đ2 và chị H vào ngày 04/9/2013 tại Công an huyện C (BL 211-213) thì cả hai đều khẳng định “*sáng ngày 01/4/2013 có vào dọn rẫy bỏ hoang thuê lại của anh V cùng ấp E với giá 13 triệu đồng, dọn tới 11 giờ, không biết việc đốt và cháy rẫy*”. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2019 (BL 370) anh Đ2 lại khai “*anh Đ có cho anh V thuê đất, anh V không thuê đất nữa trả lại cho anh Đ nên anh Đ có nói anh V không thuê đất nữa, kêu anh thuê lại đất*”. Nhưng sau đó lại không xác định được là anh thuê đất của anh Đ hay anh V và xác định ngày cháy rẫy vợ chồng anh có mặt lúc sáng và không thuê người khác dọn cỏ.

Lời khai của anh V tại Cơ quan điều tra công an huyện C (BL 195) xác định: “*tôi mua lại hợp đồng đất của anh Đ cùng ấp E, diện tích 1.500m² với giá 13 triệu đồng làm trong 01 năm, hợp đồng tôi mua lại của anh Đ chỉ qua miệng. Ngày tôi chồng tiền cho anh Đ tại nhà anh khoảng 08/3/2013 khi tôi mua lại hợp đồng thuê đất đó chưa bị cháy, khi tôi mua hợp đồng xong tôi không có canh tác đất vì bận nhiều việc không có thời gian canh tác nên khoảng 16 ngày sau tôi đã bán lại hợp đồng cho vợ chồng anh Đ2, chị H với giá 13 triệu, nhưng vợ chồng anh Đ2, chị H nói để mượn tiền đưa sau nên tôi đồng ý..... ngày 05/4/2013 trên đường đi làm tôi có gặp*

anh H2 ở ấp Ftôi hỏi anh H2 có cần thuê đất không”. Lời khai của anh V tại đơn xin vắng mặt ngày 20/11/2022 (BL578) thể hiện: “... Vào ngày 05 – 06/4/2013, tôi mua lại hợp đồng đất của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988, địa chỉ ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng nai, có viết giấy hợp đồng nhưng đã 07 năm nên giấy không còn nữa với giá 13.000.000 đồng, tôi trồng bắp...”.

Quá trình giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm không lấy được lời khai của ông C1 để làm rõ có đúng vào ngày xảy ra vụ cháy 01/4/2013 anh Đ đang đi cửa cây cùng với ông C1 ở L như anh Đ đã trình bày hay không. Ngoài ra, đối với ông Đ, ông Đ2, bà H dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cũng không lên Tòa án làm việc; ngoài ra Tòa án triệu tập ông Đ, ông Đ2, bà H, ông V, ông P, ông H3 nhưng các đương sự đều vắng nên không tiến hành đối chất được giữa các đương sự trong vụ án để làm rõ các lời khai không thống nhất và mâu thuẫn nhau, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Xét các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự có tại hồ sơ thì bị đơn không thừa nhận mình là người đã gây ra vụ cháy, chỉ có lời khai của bà M, ông H3, bà N2 là khẳng định ông Đ là người châm lửa đốt cỏ nhưng lời khai của các đương sự này trước sau không thống nhất và không chứng minh được lý do có sự thay đổi lời khai như vậy. Ngoài những lời khai trên không có chứng cứ nào khác xác định ông Đ là người đốt cỏ.

Ngày 02/12/2022, bà M cung cấp một USB có 05 file ghi lại cuộc nói chuyện của bà M với ông H2, ông V và bà N2 với nội dung bà M hỏi những đương sự này những sự việc liên quan đến vụ cháy, kèm theo file ghi âm là Đơn nộp chứng cứ của bà M. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà M thừa nhận USB này được bà được thực hiện vào năm 2020 chứ không phải tại thời điểm xảy ra vụ cháy năm 2013. Lý do, bà không nộp USB trên trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 17/5/2022 của cấp sơ thẩm là vì bà sợ USB bị nhiễm Virus và bà không rành sử dụng USB nên bà cung cấp cho Tòa án sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì 05 file trong USB này không có giá trị chứng minh ông Đ chính là người đốt lửa gây ra vụ cháy.

Từ những chứng cứ, phân tích nêu trên, bà M khởi kiện yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Đ chính là người đốt lửa gây ra vụ cháy làm thiệt hại rầy của bà nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

Việc bà M cho rằng bà đang khiếu nại cơ quan Công an đã làm sai, ghi lại không đúng lời khai của bà cũng như những người được công an mời lên làm việc năm 2013 có liên quan đến vụ cháy rầy, vấn đề trên không thuộc phạm vi xem xét tại vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đồng thời, bà M cho rằng các biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 25/11/2019 và phiên tòa sơ thẩm ngày 15/12/2022 đã thể hiện không đúng sự thật và lời khai của bà nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Bà Myêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phải triệu tập đầy đủ tất cả các đương sự có mặt tham gia phiên tòa phúc thẩm để đối chất, tuy nhiên như đã nhận nhận tại phần [1], Tòa án cũng đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, ông Đ2, bà H theo quy định.

Ngoài ra, bà M cho rằng bà đã yêu cầu Tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ vì xác minh về thời điểm chuyển nhượng rẫy của ông cho người khác nhưng Tòa án sơ thẩm không xác minh, thu thập; nay bị tố cáo người khác chuyển nhượng rẫy của ông cho người khác. Xét việc chuyển nhượng rẫy của ông cho người khác có liên quan đến khai không xác minh chính xác do thời gian lưu trữ của thửa ruộng không lập văn bản, mặt khác ý kiến không phải là căn cứ chứng minh ông chính là người đốt lửa gây ra vụ cháy rẫy nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ của bị M.

[4] Về án phí:

Tại cấp phúc thẩm, bà M có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi nên căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xem xét miễn án cho bà M nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí do có tình tiết mới.

Bà Đoàn Thị Phương M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.070.000đ (một triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 006473 ngày 25/4/2014 và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001730 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[5] Về chi phí tố tụng:

Bà Đoàn Thị Phương M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản) với số tiền là 8.840.000đ (tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Bà M đã nộp xong.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Phương M; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ về án phí do có tình tiết mới; giữ nguyên bản án sơ thẩm về đường lối giải quyết.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 297, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 260, Điều 604, Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương M về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với ông Nguyễn Văn Đ phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà M, ông T với số tiền 41.005.000đ (*bốn mươi một triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng*).

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Phương M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.070.000đ (một triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 006473 ngày 25/4/2014 và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001730 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị Phương M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 8.840.000đ (*tám triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng*). Bà M đã nộp xong.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu.

Bùi Lan Hương

